

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 02 - 2021

V/v: Ly hôn giữa chị L và anh S

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Hoàng Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Ông Phạm Đình Tuấn Anh – kiểm sát viên

Trong ngày 08/02/2021, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 305/2020/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05 /2021/QĐST- HNGĐ ngày 08/01/2021.

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1979 – *Xin xử vắng mặt*

Địa chỉ: SN 03A, ngõ 100, phố NĐ, phường TL, thành phố TB, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn S, sinh năm 1978 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn T, xã TTr, huyện TT, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đoàn Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 06/5/2016, đăng ký tại UBND phường TL, thành phố TB. Trong quá trình chung sống do anh S không có trách nhiệm với chị và gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc, từ tháng 5/2020 chị và anh S ly thân. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh S không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh S.

Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị và anh S không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Chị xác định chị và anh Sáng không có tài sản chung, không nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung, nợ chung.

Anh Đoàn Văn S vắng mặt nên không thu thập được ý kiến của anh S.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TTr xác định anh Đoàn Văn S có địa chỉ nơi cư trú tại thôn Th, xã Thụy Tr, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Hiện anh S và chị L không cùng chung sống tại địa phương. Tòa án và chính quyền địa phương đã liên hệ để giao văn các bản tố tụng cho anh S nhưng không rõ lý do vì sao anh S không đến Tòa án làm việc.

Do không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L ly hôn anh S; Về con chung và về việc chia tài sản chung, nợ chung đều không có nên không đặt ra việc giải quyết. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh S tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật – là hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị L yêu cầu giải quyết ly hôn. Anh S đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, tài liệu, chứng cứ khởi kiện, biết rõ chị L yêu cầu giải quyết ly hôn và được Tòa án thông báo đến hòa giải vụ án nhưng bỏ mặc không đến. Tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị hiện nay mỗi người một nơi mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L ly hôn anh S.

[2.2]. *Về con chung*: Chị L và anh S không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết về con chung.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị Tuyết L ly hôn anh Đoàn Văn S

2. Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị L và anh S không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết về con chung.

3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Tuyết L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0002438 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Đoàn Văn S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường TL;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

